

**Câu 1:** Cơ sở dữ liệu quản lý sinh viên có chứa 3 bảng. Viết lệnh tạo các bảng với các ràng buộc khóa chính, khóa ngoại được nêu trong tân từ. Kiểu dữ liệu của các cột dữ liệu tự chọn theo ngữ nghĩa.

**SinhVien**(MSSV, Lop, Ho, Ten, Ngaysinh, Nu)

Tân từ: Mỗi sinh viên có một mã số (MSSV) là số nguyên phân biệt, thuộc một lớp (Lop), có họ (HO) và tên (Ten) sinh viên, ngày sinh (Ngaysinh), thuộc phái nữ hay nam (Nu).

**MonHoc**(MSMon, TenMon)

Tân từ: Mỗi môn học có một mã số (MSMon) là một số nguyên phân biệt, có tên môn học (TenMon).

**DiemThi**(MSSV, MSMon, LanThi, Diem)

Tân từ: Mỗi sinh viên (MSSV) có thể học nhiều môn (MSMon). Mỗi môn học có thể thi nhiều lần (LanThi), mỗi lần thi được đánh số thứ tự từ 1 trở đi và ghi nhận điểm thi (Diem) của các lần thi đó.

**Câu 2:** Khai báo bổ sung các ràng buộc sau:

- a) Lần thi (LanThi) trong bảng *DiemThi* có giá trị mặc định là 1
- b) Điểm thi (Diem) trong bảng *DiemThi* được chấm theo thang điểm 10

**Câu 3:** Tạo View:

- a) Tạo view *vwLanThiCuoi* dùng liệt kê danh sách lần thi cuối cùng của sinh viên gồm: Mã số sinh viên, mã số môn học, lần thi cuối cùng của môn học (ví dụ sinh viên A thi môn học C ba lần thì lần thi cuối cùng là 3).
- b) Tạo view *vwDiemThiCuoi* dùng liệt kê danh sách sinh viên gồm: Mã số sinh viên, mã số môn học, lần thi cuối cùng của môn học và điểm của lần thi cuối cùng đó.

**Câu 4:** Tạo trigger Insert cho bảng *DiemThi* dùng điền tự động số thứ tự lần thi khi thêm điểm thi một môn học của một sinh viên. Ví dụ sinh viên A đã thi môn học M hai lần thì lần thi mới thêm vào phải là 3.

**Câu 5:** Viết thủ tục hoặc hàm liệt kê kết quả thi các môn của một sinh viên khi biết mã số của sinh viên (MSSV). Thông tin thể hiện gồm: mã số môn học, lần thi, điểm thi. Trong đó, mã số sinh viên là giá trị input